

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 7 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Quyến L, sinh năm 1987. Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện T1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh L, sinh năm 1979. Cư trú tại: Ấp N, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của chị Phan Thị Quyến L thể hiện:* Chị và anh Trần Thanh L1 tự nguyện chung sống vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh L1 thường xuyên hành hạ, đánh đập. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh L1 không thay đổi nên chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Quá trình chung sống, chị và anh L1 có 03 người con chung gồm: Trần Thị Tú Q, sinh ngày 28/12/2005, Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 18/12/2010 và Trần Thế

V, sinh ngày 22/6/2014 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Trần Thanh Lao*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối yêu cầu khởi kiện của chị Luyến nhưng anh Lao không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị Quyến L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Thanh L1 đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Chị L và anh L1 chung sống năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn do anh L1 thường xuyên hành hạ, đánh đập chị L. Từ nguyên nhân trên, chị L xác định không thể hàn gắn chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn. Trong khi đó, anh L1 không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu của chị L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị Luyến mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung gồm: Trần Thị Tú Q, sinh ngày 28/12/2005, Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 18/12/2010 và Trần Thế V, sinh ngày 22/6/2014 do chị L đang nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L phù hợp với nguyện vọng của Tú Q và Thảo Q cũng như anh L1 không có ý kiến gì về yêu cầu xin nuôi con của chị L. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao các cháu cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về các vấn đề khác: Chị L xác định không có, anh L1 không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Quyên L và anh Trần Thanh L1.

2. Về con chung: Giao Trần Thị Tú Q, sinh ngày 28/12/2005, Trần Thị Thảo Q, sinh ngày 18/12/2010 và Trần Thế V, sinh ngày 22/6/2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009447 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn